Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8507.80.99

Mã HS	8507.80.99
Mô tả hàng hóa	Ắc qui điện, kể cả tấm vách ngăn của nó, có hoặc không ở dạng hình chữ nhật (kể cả hình vuông) / - Ắc qui khác: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 14:49:20
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85078099/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15133
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15133
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15133
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14432
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14373
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14373
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14373
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14373
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14373
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14373
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14427
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14427
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14427

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14427
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14427
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14427
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14428
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14428
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14428
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14428
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14428
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14428
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14431
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14379
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14387
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14387
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14387
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14387
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14387
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14387
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14418
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14418
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14418
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14418
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14418
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14418
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14473
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14473
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14473

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14473
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14473
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14473
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14450
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14450
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14450
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14450
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14450
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14450
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D14450
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E14450
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F14450
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G14450
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H14450
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I14450
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14465
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14465
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14465
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14465
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14465
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14465
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14464
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14464
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14464
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14464
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14464

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14464
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14457
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14457
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14457
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14457
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14457
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14457
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14457
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14452
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14452
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14452
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14452
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14452
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14452
RCEP B	2022	2022	0	B!D14452
RCEP B	2023	2023	0	B!E14452
RCEP B	2024	2024	0	B!F14452
RCEP B	2025	2025	0	B!G14452
RCEP B	2026	2026	0	B!H14452
RCEP B	2027	2027	0	B!I14452
RCEP C	2022	2022	0	C!D14452
RCEP C	2023	2023	0	C!E14452
RCEP C	2024	2024	0	C!F14452
RCEP C	2025	2025	0	C!G14452
RCEP C	2026	2026	0	C!H14452
RCEP C	2027	2027	0	C!I14452

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D14451
RCEP D	2023	2023	0	D!E14451
RCEP D	2024	2024	0	D!F14451
RCEP D	2025	2025	0	D!G14451
RCEP D	2026	2026	0	D!H14451
RCEP D	2027	2027	0	D!I14451
RCEP E	2022	2022	0	E!D14455
RCEP E	2023	2023	0	E!E14455
RCEP E	2024	2024	0	E!F14455
RCEP E	2025	2025	0	E!G14455
RCEP E	2026	2026	0	E!H14455
RCEP E	2027	2027	0	E!I14455
RCEP F	2022	2022	0	F!D14452
RCEP F	2023	2023	0	F!E14452
RCEP F	2024	2024	0	F!F14452
RCEP F	2025	2025	0	F!G14452
RCEP F	2026	2026	0	F!H14452
RCEP F	2027	2027	0	F!I14452
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13447
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13447
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13447
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13447

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8507.80 có 5 dòng thuế; dòng 8507.80.99 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8507.80.11 Bằng sắt-niken; 8507.80.19 Loại khác; 8507.80.20 Loại dùng cho máy tính xách tay kể cả loại notebook và subnotebook; 8507.80.91 Bằng sắt-niken	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8507.80.99 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8507.80.99	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8507.80.99. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8507.80.99 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15133), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT sau TQ, trước khi đưa ra thị trường (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.